

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/DS-PT  
Ngày: 12-7-2022  
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thám

*Các Thẩm phán:* Ông Lưu Hữu Giàu;  
Ông Trần Minh Hải.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 196/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2021/QĐ-PT, ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

1.1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Ấp PQ, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

1.2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Số 349 đường THĐ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1.3. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Tổ 13, ấp PQ, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang. (Ông Trần Văn T2 chết ngày 05/12/2020).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T2:* Bà Trần Thị Hồng T3, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp PT, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của ông H, bà T, bà T3:* Ông Nguyễn Phước T4, sinh năm 1992, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày

18/3/2021); Nơi cư trú: Số 231 đường TP, khóm LH, phường LC, thị xã TC, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Hồng L, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số 7/1 đường H3, khóm ĐA 1, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Hồng L*: Ông Phan Ngọc M là luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Trần Thế H2, sinh năm 1959 (chết ngày 24/12/2015); vợ là bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1960 (chết ngày 23/10/2020). Hàng thừa kế thứ nhất của ông H2:

3.1.1. Ông Trần Thế S, sinh năm 1984;

3.1.2. Ông Trần Thế G, sinh năm 1987;

Cùng cư trú: Số 329/2D đường H2 Vương, khóm 7, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của ông S, ông G*: Ông Nguyễn Phước T4, sinh năm 1992, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/3/2021).

3.2. Bà Trần Thị D, sinh 1961 (chết ngày 11/5/1995). Hàng thừa kế thứ nhất của bà D:

3.2.1. Ông Trần Lợi V, sinh năm 1960;

3.2.2. Bà Trần Thị Minh D2, sinh năm 1982;

3.2.3. Bà Trần Thị Minh T5, sinh năm 1983;

3.2.4. Bà Trần Thị Minh T6, sinh năm 1986.

Cùng cư trú: Số 232/8 đường HP, phường 8, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của ông V, bà T5, bà D2*: Ông Nguyễn Phước T4, sinh năm 1992, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/3/2021).

Nơi cư trú: Số 231 đường TP, khóm LH, phường LC, thị xã TC, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Trần Thị N3, sinh năm 1969;

3.4. Chị Trần Hồng N4, sinh năm 2004. Người đại diện theo pháp luật của Trần Hồng N4: Ông Trần Hồng L, sinh năm 1963 và bà Trần Thị N3, sinh năm 1969.

Cùng cư trú: Số 7/1 đường H3, khóm ĐA 1, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Phước T4 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H, bà T, bà T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S, ông G, ông V, bà T5, bà D2;

Ông Trần Hồng L là bị đơn trong vụ án.;

Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX không có kháng nghị.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* có mặt các ông, (bà): Trần Thị T, Trần Văn H, Trần Thị Hồng T3, Nguyễn Phước T4, Trần Hồng L, Trần Thế S, Trần Thế G và Trần Thị N3. vắng mặt các ông, (bà): Trần Lợi V, Trần Thị Minh D2, Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh T6 và Trần Hồng N4.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đồng nguyên đơn do ông Nguyễn Phước T4 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cha của các ông bà H, T, T2 là cụ Trần Hồng C2, sinh năm 1930 (chết năm 2006 không để lại di chúc) và mẹ là cụ Dương Thị T7, sinh năm 1931 (chết năm 2015 không để lại di chúc). Cụ C2 và cụ T7 có 06 người con: Trần Thị T sinh năm 1952; Trần Văn H, sinh năm 1955; Trần Văn T2, sinh năm 1957; Trần Hồng L, sinh năm 1963; Trần Thế H2, sinh năm 1959 (chết năm 2015); Trần Thị D, sinh năm 1961 (chết năm 1994).

Quá trình chung sống thì Cụ C2 và cụ T7 có tạo lập được tài sản là diện tích đất 124,1m<sup>2</sup>, gắn với căn nhà gỗ, nền gạch + đal, vách gạch, mái tole tại địa chỉ: Số 7/1 đường H3, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang. Phần diện tích đất này các anh em sống chung với nhau từ năm 1966 đến năm 1990 thì các anh em không còn sống chung. Cụ C2 chuyển về đồng Tháp sinh sống, ông H có gia đình nên ra ở riêng chỉ còn ông L, ông H2 và cụ T7, đến năm 2011 thì ông H2 ra ở riêng chỉ còn ông L với cụ T7 sinh sống. Năm 2006, cụ T7 được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, ngày 08/8/2006; thửa số 447, tờ bản đồ số 12, với diện tích 124,1m<sup>2</sup>. Cụ C2 chết 2006; cụ T7 chết năm 2015 không để lại di chúc, nhà và đất nêu trên hiện do ông Trần Hồng L cùng vợ là bà Trần Thị N3 và con là Trần Hồng N4 quản lý sử dụng cho đến nay. Hiện hoàn cảnh gia đình các anh em khó khăn nên các ông bà: Trần Văn H, Trần Thị T, Trần Văn T2 khởi yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của Cụ C2, cụ T7 để lại là: 124,1m<sup>2</sup> đất gắn với căn nhà gỗ, nền gạch + đal, vách gạch, mái tole tại địa chỉ: Số 7/1 đường H3, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, thửa số 447, tờ bản đồ số 12, với diện tích 124,1m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 cho bà Dương Thị T7.

Các ông bà yêu cầu bán nhà và đất nêu trên chia đều cho 06 người con thuộc hàng thừa kế của Cụ C2 và cụ T7 mỗi người nhận bằng giá trị là 1/6 kỷ phần gồm các ông bà:

Trần Thị T, Trần Văn H, Trần Văn T2 (chết ngày 05/12/2020, có bà T3 là hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 sẽ được nhận phần của ông T2), Trần Thế H2 (ông H2 chết năm 2015 và vợ bà Trần Thị Hồng chết năm 2020 nên hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 là các anh Trần Thế S, Trần Thế G sẽ nhận phần của ông H2), Trần Thị D (bà D chết năm 1994 nên các con của bà D là: Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh D2, Trần Thị Minh T6 sẽ nhận phần của bà D) và Trần Hồng L.

*- Bị đơn ông Trần Hồng L trình bày:*

Cha ông là cụ Trần Hồng C2, sinh năm 1930 (chết năm 2006), mẹ là cụ Dương Thị T7, sinh năm 1931 (chết năm 2015). Cụ C2 và cụ T7 có 06 người con: Trần Thị T sinh năm 1952; Trần Văn H, sinh năm 1955; Trần Hồng Thu, sinh năm 1957; Trần Hồng L, sinh năm 1963; Trần Thế H2, sinh năm 1959 (chết năm 2015); Trần Thị D, sinh năm 1961 (chết năm 1994).

Nguồn gốc nhà đất nêu trên do Cụ C2 và cụ T7 tạo lập, ông sinh sống từ năm 1965 cho đến nay. Sau 30/4/1975 thì ông Cầu, ông H và các anh chị em về ĐY, Đồng Tháp sinh sống. Một mình ông ở lại gìn giữ đất đến năm 1981 thì cụ T7 với chị ông là bà Trần Thị D về sống chung cho đến năm 1982 thì bà D lấy chồng ra ở riêng, khi đó chỉ có ông cùng với vợ chăm sóc và nuôi dưỡng cụ T7 cho đến khi mất. Năm 2006, cụ T7 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dạng đại trà đến năm 2015 thì cụ T7 chết không để lại di chúc, khi còn sống thì cụ T7 có nói với ông rằng nhà đất này không chia, không bán mà dùng để làm phở thờ, anh em muốn ở thì về ở. Nay qua yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H, bà T, ông T2 thì ông không đồng ý.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà):* Trần Lợi V, Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh D2, Trần Thế S, Trần Thế G do ông Nguyễn Phước T4 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các bà Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh D2 và Trần Thị Minh T6 là con của ông Trần Lợi V và bà Trần Thị D (bà D chết năm 1994).

Các ông Trần Thế S, Trần Thế G là con của ông Trần Thế H2 (chết năm 2015) và bà Trần Thị Hồng (chết năm 2020).

Các bà T5, D2, T6, S, G là cháu ruột của Cụ C2 và cụ T7. Qua yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của Cụ C2, cụ T7 để lại là: 124,1m<sup>2</sup> đất gắn với căn nhà gỗ, nền gạch + đá, vách gạch, mái tole tại địa chỉ: Số 7/1 đường H3, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, thửa số 447, tờ bản đồ số 12, với diện tích 124,1m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 cho bà Dương Thị T7 thì các ông bà thống nhất chia di sản theo pháp luật và xin nhận giá trị đối với kỷ phần mà các ông bà được hưởng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trần Thị N3; Trần Hồng N4 do bà N3, ông L giám hộ đều thống nhất theo lời trình bày của ông Trần Hồng L.

*Chứng thư thẩm định giá ngày 24/9/2020 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha thể hiện:*

1. Đất có tổng diện tích  $124,1\text{m}^2$  thuộc thửa số 447; tờ bản đồ số 12 tọa lạc phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, thửa số 447, tờ bản đồ số 12, với diện tích  $124,1\text{m}^2$  do cụ Dương Thị T7 đứng tên. Đất có giá là 30.883.000 đồng/ $\text{m}^2$

$124,1\text{m}^2 \times 30.883.000\text{đ} = 3.826.375.300\text{đ}$  (Ba tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm đồng).

2. Giá trị công trình xây dựng trên đất: Tại thời điểm thẩm định có Công trình xây dựng trên đất là nhà ở được xây dựng tại thửa số thửa 447; tờ bản đồ số 12:

- Nhà chính chính có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Nhà cấp 4, có giá bằng 1.849.000đ. Giá trị sử dụng còn lại là 45%, với diện tích xây dựng là  $75,6\text{m}^2$ .

$75,6\text{m}^2 \times 1.849.000\text{đ} \times 45\% = 62.902.980\text{đ}$  (Sáu mươi hai triệu chín trăm lẻ hai nghìn chín trăm tám chục đồng)

- Nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Có giá bằng 1.008.000đ. Giá trị sử dụng còn lại là 30%, với diện tích xây dựng là  $47,3\text{m}^2$ .

$47,3\text{m}^2 \times 1.008.000\text{đ} \times 30\% = 14.303.520\text{đ}$  (Mười bốn triệu ba trăm lẻ ba nghìn năm trăm hai mươi đồng)

Tổng giá trị đất và nhà:  $3.826.375.300\text{đ} + 62.902.980\text{đ} + 14.303.520\text{đ} = 3.903.581.800\text{đ}$  (Ba tỷ chín trăm lẻ ba triệu năm trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng).

*Biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thể hiện:*

1. Về giá trị đất:

Đất tranh chấp có diện tích  $124,1\text{m}^2$ ; thuộc đất ở tại đô thị, đất ở đô thị loại 1; đường loại 3, phường MX, đường Phan Liêm (suốt đường) có đơn giá là  $6.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,2$  (hệ số điều chỉnh):

$124,1\text{m}^2 \times 6.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,2 = 893.520.000\text{đ}$  (Tám trăm chín mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Về giá trị nhà:

A. Nhà chính: Có cấu trúc: nền gạch tàu, vách gạch, vách gạch + tole, khung gỗ, mái tole có diện tích ngang  $4,6\text{m} \times \text{dài } 7,30\text{m} = 33,58\text{m}^2$ .

Nhà thuộc loại 3.5 có giá  $1.849.000\text{đ}/\text{m}^2$ , giá trị còn lại 50%:

$33,58\text{m}^2 \times 1.849.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 50\% = 31.044.710\text{đ}$  (Ba mươi một triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm mười đồng).

*B. Mái che* (có vị trí phía trước căn nhà chính) có cấu trúc nền lán xi măng, khung gỗ vuông, vách tole, mái tole, có diện tích ngang  $5,65\text{m} \times$  dài  $4,1\text{m} = 23,16\text{m}^2$  được xác định thuộc tạm b, có giá  $1.008.000\text{đ}/\text{m}^2$ , giá trị còn lại 35%.

$23,16\text{m}^2 \times 1.008.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 35\% = 8.170.848\text{đ}$  (Tám triệu một trăm bảy mươi nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng).

*C. Nhà vệ sinh:* có cấu trúc nền gạch men, vách gạch + tole + tiplô xi măng, khung gạch + sắt, mái tole, có diện tích ngang  $1,2\text{m} \times$  dài  $2,4\text{m} = 2,88\text{m}^2$ , thuộc loại b, có giá  $5.238.000\text{đ}/\text{m}^2$ , giá trị còn lại 35%.

$2,88\text{m}^2 \times 5.238.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 35\% = 5.279.904\text{đ}$  (Năm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm lẻ bốn đồng).

Tổng giá trị tài sản tranh chấp:

$893.520.000\text{đ} + 31.044.710\text{đ} + 8.170.848\text{đ} + 5.279.904\text{đ} = 938.015.462\text{đ}$  (Chín trăm ba mươi tám triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Nguyên đơn ông H, bà T, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T2 là bà T3 và người có quyền lợi liên quan Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh D2, Trần Thế S, Trần Thế G do ông Nguyễn Phước T4 đại diện theo ủy quyền thống nhất giá tài sản theo chứng thư thẩm định giá ngày 24/9/2020 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha là: 3.903.581.800đ (ba tỷ chín trăm lẻ ba triệu năm trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng).

Bị đơn ông Trần Hồng L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị N3, Trần Hồng N4 do ông L và bà N3 đại diện hợp pháp thống nhất kết quả định giá ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá là: 938.015.462đ (chín trăm ba mươi tám triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

*Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 67/2021/DS-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang, Quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đương sự về việc chia di sản thừa kế.

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Hồng C2 và cụ Dương Thị T7 gồm: Ông Trần Văn H, bà Trần Thị T; ông Trần Văn T2 (có bà Trần Hồng Thảo là hàng thừa kế thứ nhất của ông T2); ông Trần Thế H2 (có ông Trần Thế S, ông Trần Thế G là hàng thừa kế thứ nhất của ông H2); bà Trần Thị D (các bà Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh D2, Trần Thị Minh T6 thừa kế thế vị của bà D) và ông Trần Hồng L.

2. Xác định tài sản thừa kế của cụ Trần Hồng C2 và cụ Dương Thị T7 là: diện tích đất  $124,1\text{m}^2$ , loại đất: ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.1190dA; thửa số 447; tờ bản đồ số 12, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 mang tên Dương Thị T7 cùng với căn nhà gắn trên đất có

kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Nhà và đất có tổng giá trị là: 2.420.789.631đ (hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi một đồng).

3. Những người có tên được hưởng tài sản thừa kế, cụ thể như sau:

Ông Trần Hồng L tiếp tục sử dụng, sở hữu diện tích đất 124,1m<sup>2</sup>, loại đất: ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.1190dA; thửa số 447; tờ bản đồ số 12, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 mang tên Dương Thị T7 cùng với căn nhà gắn trên đất có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho:

- Ông Trần Văn H 1/6 kỷ phần mà ông H được hưởng với số tiền 403.466.000đ (bốn trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng);

- Bà Trần Thị T 1/6 kỷ phần mà bà T được hưởng với số tiền 403.466.000đ (bốn trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);

- Ông Trần Văn T2 (chết năm 2020). Bà Trần Thị Hồng T3 là hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 sẽ nhận 403.466.000đ (bốn trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng);

- Ông Trần Thế H2 (chết năm 2015). Hàng thừa kế thừa nhất của ông H2 là Nguyễn Thị H3 (chết năm 2020), Trần Thế S, Trần Thế G. Do đó các ông Trần Thế S, Trần Thế G sẽ nhận 403.466.000đ (bốn trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng);

- Bà Trần Thị D (chết năm 1995). Thừa kế thế vị của bà D là: Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh D2, Trần Thị Minh T6 sẽ nhận 403.466.000đ (bốn trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng);

Ông Trần Hồng L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà T, bà T3, ông V, bà T5, bà D2, ông S và ông G trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, tính giá trị di sản thừa kế theo chứng thư thẩm định giá ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song pha mà phía nguyên đơn cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm. ông

H, bà T, bà T3, ông S, ông G có nguyện vọng được nhận hiện vật di sản thừa kế và đồng ý hoàn lại giá trị di sản cho các đồng thừa kế khác.

- Bị đơn ông Trần Hồng L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu di sản quyền sử dụng đất và căn nhà, đồng thời được hưởng thêm 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản làm tăng giá trị tài sản.

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn ông L:* Ông Phan Ngọc M là luật sư trình bày, thống nhất nội dung như ông L trình bày, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của ông L, cho ông L được tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu di sản quyền sử dụng đất và căn nhà, đồng thời được hưởng thêm 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản làm tăng giá trị tài sản. Ông L đồng ý hoàn giá trị di sản lại cho các đồng thừa kế theo giá trị Tòa án cấp sơ thẩm đã xử.

*Tuy nhiên, tranh tụng tại phiên tòa. Qua phân hỏi của các đương sự, đến phân hỏi của Hội đồng xét xử, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Ông T4 là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S, và ông Trần Thế G yêu cầu được nhận hiện vật di sản diện tích đất 124,1m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, thửa số 447; tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 cho bà Dương Thị T7, và căn nhà trên đất có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Đồng ý hoàn giá trị di sản cho các đồng thừa kế theo giá chứng thư thẩm định giá số 010222/CT-SP ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha có giá trị 5.959.631.000đ (Năm tỷ chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), chia thành 07 kỷ phần (5.959.631.000đ x 1/7 = 851.375.857đ), trong 07 kỷ phần thì ông L được nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần chia di sản + 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản tài sản = 02 kỷ phần), bà Trần Thị Minh D2, bà Trần Thị Minh T5 và bà Trần Thị Minh T6 cùng được nhận 01 kỷ phần.

- Ông Trần Hồng L đồng ý giao di sản cho bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S, và ông Trần Thế G được quản lý sử dụng và sở hữu di sản diện tích đất 124,1m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, thửa số 447; tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 cho bà Dương Thị T7, và căn nhà trên đất có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Ông L đồng ý nhận giá trị di sản theo giá chứng thư thẩm định giá số 010222/CT-SP ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha có giá trị 5.959.631.000đ (Năm tỷ chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), chia thành 07 kỷ phần (5.959.631.000đ x 1/7 =



851.375.857đ), trong 07 kỷ phần thì ông L được nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần chia di sản + 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản tài sản = 02 kỷ phần).

- Ông Nguyễn Phước T4 đại diện cho bà D2, bà T5 thống nhất theo ý kiến của bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S và ông Trần Thế G. Bà D2, bà T5 đồng ý nhận giá trị di sản thừa kế.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các đương sự, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Xử: Sửa bản án sơ thẩm số: 67/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Di sản được chia theo pháp luật, giá trị di sản là 5.959.631.000đ, di sản được chia làm 07 phần cho các thừa kế, trong 07 kỷ phần thì ông L được nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần chia di sản + 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản tài sản = 02 kỷ phần).

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị T, ông Trần Văn H là người cao tuổi, ông Trần Hồng L là người có công với cách mạng đương nhiên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của các đương sự được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Chi phí tố tụng giai đoạn phúc thẩm ông H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định giá.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Trần Thị Minh T6, bà Trần Hồng N4. bà T6, bà N4 không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà bà T6, bà N4 vẫn vắng mặt không lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm đến ngày 20 tháng 4 năm 2021 ông Nguyễn Phước T4 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H, bà T, bà T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S,

ông G, ông V, bà T5, bà D2 kháng cáo, đến ngày 03/12/2021 ông Nguyễn Phước T4 có đơn xin sửa đổi một phần nội dung trong đơn kháng cáo ngày 20/4/2021.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 bị đơn ông Trần Hồng L kháng cáo, đến ngày 22/11/2021 ông Trần Hồng L có đơn bổ sung kháng cáo. Xét, các đương sự trong vụ án nộp đơn kháng cáo là trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đơn xin sửa đổi một phần nội dung trong đơn kháng cáo ngày 20/4/2021 của ông Nguyễn Phước T4 và đơn bổ sung kháng cáo của ông Trần Hồng L là trong phạm vi nội dung của đơn kháng cáo, không vượt quá yêu cầu kháng cáo.

[3]. Về di sản thừa kế và hàng thừa kế:

[3.1]. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Hồng C2 (chết 2006) và cụ Dương Thị T7 (chết 2015) gồm có 06 người con: 1. Bà Trần Thị T; 2. Ông Trần Văn H; 3. Ông Trần Văn T2 (chết 2020, có bà Trần Thị Hồng T3 là hàng thừa kế thứ nhất của ông T2); 4. Ông Trần Thế H2 (chết 2015, có anh Trần Thế S, anh Trần Thế G là hàng thừa kế thứ nhất của ông H2); 5. Bà Trần Thị D (chết 1995, có chị Trần Thị Minh T5, Trần Thị Minh D2, Trần Thị Minh T6 thừa kế thế vị của bà D) và 6. Ông Trần Hồng L. Ngoài ra, Cụ C2 và cụ T7 không có con nuôi hay con riêng.

[3.2]. Xác định tài sản thừa kế của cụ Trần Hồng C2 và cụ Dương Thị T7 là: diện tích đất 124,1m<sup>2</sup>, đất ở tại đô thị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA; thửa số 447; tờ bản đồ số 12, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006, cấp cho bà Dương Thị T7, và căn nhà trên đất có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Di sản hiện do ông Trần Hồng L đang quản lý. Cụ C2 và cụ T7 chết không để lại di chúc, các thừa kế của Cụ C2 và cụ T7 yêu cầu chia di sản theo pháp luật.

[4]. Về giá trị di sản: Cấp sơ thẩm xác định giá tài sản đang tranh chấp theo kết quả bảng trung bình cộng, giá của Hội đồng định giá thành phố LX với giá của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha. Giá trị tài sản đang chấp sau khi lấy giá trung bình cộng là: (3.903.581.800 đồng + 938.015.462 đồng) : 2 = 2.420.789.631 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi một đồng) là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

[5]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước T4 là người đại diện ủy quyền của các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/01/2022, ông T4 đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cung cấp bảng giá mới cho Tòa án, cho rằng chứng thư thẩm định giá ngày 24/09/2020 đã trên 6 tháng, không còn hiệu lực, tại thời điểm xét xử phúc thẩm là thấp so với thực tế nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tạm ngừng

phiên tòa để cung cấp chứng thư thẩm định giá mới. Đến ngày 26/5/2022 ông T4 đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng thư thẩm định giá số 010222/CT-SP ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha với giá trị tài sản đang chấp là 5.959.631.379 đồng (Làm tròn 5.959.631.000 đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T4 giữ nguyên giá trị tài sản theo giá chứng thư thẩm định giá số 010222/CT-SP ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha.

- Ông T4 là người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông H, bà T3, ông S, và ông G yêu cầu được chia hiện vật và đồng ý hoàn giá trị tài sản cho các đồng thừa kế theo giá chứng thư thẩm định giá số 010222/CT-SP ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha có giá trị 5.959.631.000đ (Năm tỷ chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), chia thành 07 kỷ phần ( $5.959.631.000đ \times 1/7 = 851.375.857đ$ ), trong 07 kỷ phần thì ông L được nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần chia di sản + 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản tài sản = 02 kỷ phần di sản), bà Trần Thị Minh D2, bà Trần Thị Minh T5 và bà Trần Thị Minh T6 cùng được nhận 01 kỷ phần di sản.

- Ông Trần Hồng L đồng ý nhận giá trị di sản thừa kế và đồng ý giao di sản cho bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S, và ông Trần Thế G được quản lý sử dụng và sở hữu di sản.

- Ông Nguyễn Phước T4 đại diện cho bà D2, bà T5 thống nhất theo ý kiến của bà T, ông H, bà T3, ông S, và ông G. Bà D2, bà T5 đồng ý nhận giá trị di sản thừa kế.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S và ông Trần Thế G được nhận hiện vật di sản diện tích đất 124,1m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, thửa số 447; tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 cho bà Dương Thị T7, và căn nhà trên đất có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Đồng thời, có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản cho các đồng thừa kế theo giá chứng thư thẩm định giá số 010222/CT-SP ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha có giá trị 5.959.631.000đ (Năm tỷ chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), chia thành 07 kỷ phần ( $5.959.631.000đ \times 1/7 = 851.375.857đ$ ), trong 07 kỷ phần thì ông L được nhận 02 kỷ phần di sản (01 kỷ phần chia di sản + 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản tài sản = 02 kỷ phần di sản), bà Trần Thị Minh D2, bà Trần Thị Minh T5 và bà Trần Thị Minh T6 cùng được nhận 01 kỷ phần di sản.

- Ông Trần Hồng L đồng ý giao di sản cho bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S, và ông Trần Thế G được quản lý sử dụng và sở hữu di sản diện tích đất 124,1m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, thửa số 447; tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01190dA, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 cho bà Dương Thị T7, và căn nhà trên đất có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết. Ông L đồng ý nhận giá trị tài sản theo giá chứng thư thẩm định giá số 010222/CT-SP ngày 10/02/2022 của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha có giá trị 5.959.631.000đ (Năm tỷ chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), chia thành 07 kỷ phần (5.959.631.000đ x 1/7 = 851.375.857đ), trong 07 kỷ phần thì ông L được nhận 02 kỷ phần di sản (01 kỷ phần chia di sản + 01 kỷ phần công sức đóng góp, bảo quản tài sản = 02 kỷ phần di sản).

- Ông Nguyễn Phước T4 đại diện cho bà D2, bà T5 thống nhất theo thỏa thuận của bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S, ông Trần Thế G và ông Trần Hồng L. Bà D2, bà T5 đồng ý nhận 01 kỷ phần di sản.

[6]. Về chi phí tố tụng khác: Giai đoạn phúc thẩm ông H có yêu cầu Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha thẩm định giá lại, tổng chi phí là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), tại phiên tòa ông H tự nguyện chịu, ông H đã nộp xong.

[7]. Về yêu cầu được miễn án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1952; ông Trần Văn H, sinh năm 1955, đã có đơn xin miễn án phí giai đoạn sơ thẩm (bút lục số 237, 238), thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cấp sơ thẩm không xem xét miễn cho bà T và ông H là có thiếu sót.

- Đối với ông Trần Hồng L, sau khi xét xử sơ thẩm ông L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và có làm đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. HĐXX phúc thẩm xét, theo đơn xin miễn án phí, tài liệu kèm theo là giấy chứng nhận bệnh binh và có xác nhận của UBND phường MX, TP.LX thì ông Trần Hồng L là người có công với cách mạng nên thuộc trường hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do đó HĐXX phúc thẩm, nghĩ nên sửa phần án phí dân sự sơ thẩm, theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T, ông H và ông L theo quy định.

[8]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, ông H và ông L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, các đương sự còn lại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do đó được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[9]. Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Phúc xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước T4 đại diện theo ủy quyền của các ông (bà): Trần Thị T, Trần Văn H, Trần Thị Hồng T3, Trần Thế S, Trần Thế G, Trần Lợi V, Trần Thị Minh D2, Trần Thị Minh T5.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hồng L về yêu cầu chia di sản thừa kế làm 07 kỷ phần, ông L nhận thêm 01 kỷ phần có công sức đóng góp, bảo quản tài sản.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2021/DS-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2, 3, 4 Điều 68; Điều 74; Điều 85; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 6 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612; Điều 613; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Di sản được chia theo pháp luật, giá trị di sản là 5.959.631.000 đồng (Năm tỷ chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), di sản được chia làm 07 phần;

+ Bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S và ông Trần Thế G được nhận hiện vật di sản thừa kế là diện tích 124,1m<sup>2</sup> đất, loại đất ở tại đô thị, thửa đất số 447; tờ bản đồ số 12, theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H.01190dA do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 08/8/2006 đứng tên Dương Thị T7, cùng với căn nhà gắn trên đất có kết cấu: Khung cột gỗ, vách xây gạch, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết và nhà tạm có kết cấu: Khung cột gỗ, vách thiết, nền xi măng, kèo gỗ, mái thiết, tọa lạc tại phường MX, TP. LX, An Giang. Bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S và ông Trần Thế G, cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho các thừa kế:

+ Ông Trần Hồng L nhận 2/7 kỷ phần giá trị di sản là 1.702.751.714 đồng (*bằng chữ: Một tỷ bảy trăm lẻ hai triệu bảy trăm năm mươi một ngàn bảy trăm mười bốn đồng*).

+ Bà Trần Thị Minh D2, bà Trần Thị Minh T5 và bà Trần Thị Minh T6 là người thừa kế thế vị của bà Trần Thị D (chết), nhận 1/7 kỷ phần mà bà D được hưởng với số tiền 851.375.857 đồng (*bằng chữ: Tám trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế xong thì bà Trần Thị T, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Hồng T3, ông Trần Thế S và ông Trần Thế G có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định giá tài sản là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà T, ông H và ông L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Bà Trần Thị Hồng T3 phải nộp 37.541.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T2 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005105 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX. Sau khi khấu trừ bà T3 còn phải nộp số tiền là 33.341.000đ (Ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng);

+ Ông Trần Thế S, ông Trần Thế G cùng liên đới phải nộp 37.541.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

+ Bà Trần Thị Minh D2, bà Trần Thị Minh T5 và bà Trần Thị Minh T6 cùng liên đới phải nộp 37.541.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho ông Trần Văn H số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005106 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX;

+ Hoàn trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai thu tiền số 0005107 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn trả lại cho các ông (bà): Trần Thị Minh D2, Trần Lợi V, Trần Thị Minh T5, Trần Thế S, Trần Thế G, Trần Thị Hồng T3, Trần Thị T và Trần Văn H, mỗi người được nhận lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0002839; số: TU/2019/0002840; số: TU/2019/0002841; số: TU/2019/0002842; số: TU/2019/0002843; số: TU/2019/0002844; số: TU/2019/0002845; số: TU/2019/0002846 cùng ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

+ Hoàn trả lại cho ông Trần Hồng L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0002813 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- TAND thành phố LX;
- VKSND thành phố LX;
- Chi cục THADS thành phố LX;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV & THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hoàng Thám**

